

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp ("GCNĐKDN") lần 4 số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia rượu, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản, gạo, thực phẩm và vật tư trong ngành công nghiệp thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Ngọc Hạnh	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Nhựt	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Trần Nghĩa	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2016
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Thị Nhựt	Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc	
Ông Thượng Tấn Lực	Phó Giám đốc	
Ông Trần Đình Bê	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Thị Nhựt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61283632/18741238

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”), được lập ngày 2 tháng 3 năm 2017, và được trình bày từ trang 5 đến trang 28 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận thuế tiêu thụ đặc biệt đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1



Ngô Hồng Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		324.142.875.676	285.573.945.354
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	215.677.001.967	24.304.775.471
111	1. Tiền		143.677.001.967	24.117.196.520
112	2. Các khoản tương đương tiền		72.000.000.000	187.578.951
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		47.694.983.299	202.311.922.759
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	44.963.841.298	51.848.031.861
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.551.259.578	3.652.209.691
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.179.882.423	146.811.681.207
140	III. Hàng tồn kho	7	59.650.325.354	57.713.431.208
141	1. Hàng tồn kho		59.650.325.354	57.713.431.208
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.120.565.056	1.243.815.916
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	977.691.643	1.243.815.916
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		142.873.413	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		825.216.344.430	886.811.717.755
210	I. Phải thu dài hạn khác		-	414.522.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	414.522.000
220	II. Tài sản cố định		794.802.855.822	864.084.631.649
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	794.802.855.822	864.084.631.649
222	Nguyên giá		1.262.494.611.976	1.250.086.403.565
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(467.691.756.154)	(386.001.771.916)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		24.847.255.413	4.377.029.728
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	24.847.255.413	4.377.029.728
260	IV. Tài sản dài hạn khác		5.566.233.195	17.935.534.378
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	5.566.233.195	6.840.830.832
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	11.094.703.546
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.149.359.220.106	1.172.385.663.109

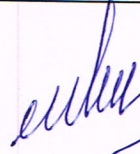
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		579.553.730.228	626.492.730.134
310	I. Nợ ngắn hạn		486.057.290.125	479.159.620.882
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	68.677.907.355	68.328.527.797
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		12.565.592	30.457.910
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	102.673.812.534	63.238.104.136
314	4. Phải trả người lao động		6.031.035.114	5.286.605.850
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	11.891.013.153	13.025.731.017
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	10.327.221.179	18.003.739.330
320	7. Vay ngắn hạn	15	274.768.483.529	302.380.823.198
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.675.251.669	8.865.631.644
330	II. Nợ dài hạn		93.496.440.103	147.333.109.252
338	1. Vay dài hạn	15	93.496.440.103	147.333.109.252
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		569.805.489.878	545.892.932.975
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	569.805.489.878	545.892.932.975
411	1. Vốn cổ phần		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		29.057.250.272	20.570.250.272
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		90.748.239.606	75.322.682.703
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		21.322.682.703	8.121.001.086
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		69.425.556.903	67.201.681.617
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.149.359.220.106	1.172.385.663.109


Văn Thị Thùy Trang
Người lập


Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng


Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

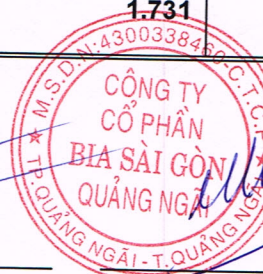
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	17.1	955.588.295.418	762.707.362.756
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(237.574.872)	(467.787.600)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	17.1	955.350.720.546	762.239.575.156
11	4. Giá vốn hàng bán	18	(823.043.148.686)	(639.902.267.690)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		132.307.571.860	122.337.307.466
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	257.415.503	149.513.515
22	7. Chi phí tài chính	19	(23.478.533.195)	(26.240.937.190)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(23.478.533.195)	(24.075.679.641)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(3.267.434.663)	(2.750.254.060)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(15.122.986.107)	(11.888.420.989)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		90.696.033.398	81.607.208.742
31	11. Thu nhập khác	22	1.976.083.034	2.259.087.810
32	12. Chi phí khác	22	(819.219.356)	(958.614.935)
40	13. Lợi nhuận khác	22	1.156.863.678	1.300.472.875
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		91.852.897.076	82.907.681.617
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	(6.960.340.173)	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		84.892.556.903	82.907.681.617
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.5	1.731	1.700
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.5	1.731	1.700

[Handwritten signature]

Văn Thị Thùy Trang
Người lập

[Handwritten signature]

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		91.852.897.076	82.907.681.617
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	9	81.689.984.238	79.969.635.599
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	13.290
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(257.415.503)	(149.513.515)
06	Chi phí lãi vay	19	23.478.533.195	24.075.679.641
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		196.763.999.006	186.803.496.632
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		154.888.588.047	(151.416.172.175)
10	Giảm hàng tồn kho		9.157.809.400	683.548.934
11	Tăng các khoản phải trả		20.553.491.361	16.291.295.485
12	Giảm chi phí trả trước		1.540.721.910	9.505.910.678
14	Tiền lãi vay đã trả		(23.690.348.038)	(24.961.066.154)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(3.971.023.499)	-
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		63.360.000	65.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.384.739.975)	(4.219.222.583)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		351.921.858.212	32.752.790.817
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(29.869.657.228)	(6.505.085.179)
27	Lãi tiền gửi nhận được	17.2	257.415.503	149.513.515
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(29.612.241.725)	(6.355.571.664)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	15	1.043.623.506.478	676.396.291.341
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	15	(1.125.072.515.296)	(687.141.956.178)
36	Cổ tức đã trả	16.3	(49.488.381.173)	(39.193.470.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(130,937,389,991)	(49.939.134.837)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		191.372.226.496	(23.541.915.684)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	24.304.775.471	47.846.704.445
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(13.290)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	215.677.001.967	24.304.775.471



Văn Thị Thùy Trang
Người lập



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh Doanh ("GCNĐKKD") lần 4 số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp, và các ("GCNĐKKD") điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia rượu, nước giải khát; kinh doanh nông sản, bán buôn gạo và thực phẩm, cồn, vật tư trong ngành nông nghiệp và cung cấp dịch vụ sản xuất công nghiệp thực phẩm và kinh doanh kho bãi.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 165 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 160 nhân viên).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Khác	2 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	188.250.215	472.114.082
Tiền gửi ngân hàng	143.488.751.752	23.645.082.438
Các khoản tương đương tiền (*)	72.000.000.000	187.578.951
TỔNG CỘNG	<u>215.677.001.967</u>	<u>24.304.775.471</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện là khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam với kỳ hạn dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 5.1%/năm đến 5.2%/năm.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 24)	43.835.031.240	50.091.096.880
Phải thu từ bên khác	1.128.810.058	1.756.934.981
TỔNG CỘNG	<u>44.963.841.298</u>	<u>51.848.031.861</u>

Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu để đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng (Thuyết minh số 15).

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây Dựng Đô thị và Khu Công nghiệp	975.000.000	-
Công ty TNHH Quảng cáo và Tổ chức Sự Kiện Thời nay	248.002.832	-
Khác	328.256.746	3.652.209.691
TỔNG CỘNG	<u>1.551.259.578</u>	<u>3.652.209.691</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Trường Anh Thư	1.031.118.829	-
Tạm ứng cho nhân viên	147.521.994	193.661.752
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 24) (*)	-	146.614.239.871
Khác	1.241.600	3.779.584
TỔNG CỘNG	<u>1.179.882.423</u>	<u>146.811.681.207</u>

(*) Đây là số thuế tiêu thụ đặc biệt ("TTĐB") mà Công ty đã nộp thay cho Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ của Công ty liên quan đến số thuế TTĐB bổ sung cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 4 tháng 2 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước, và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 9 tháng năm 2015 theo Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 8 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính với tổng số tiền 133.496.440.103 VND. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cũng đã nộp thay số thuế TTĐB ước tính phải nộp bổ sung cho 3 tháng cuối năm 2015 và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc nộp số thuế nêu trên lần lượt là 12.858.223.357 VND và 259.576.411 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, công ty mẹ đã hoàn trả cho Công ty số tiền là 146.354.663.460 VND theo Quyết định số 1510/BSG-BKTTK ngày 15 tháng 12 năm 2016.

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.087.640.130	19.539.104.796
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	19.459.220.655	108.119.000
Nguyên vật liệu	14.888.336.689	25.919.399.829
Thành phẩm	5.215.127.880	12.146.807.583
TỔNG CỘNG	<u>59.650.325.354</u>	<u>57.713.431.208</u>

Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 15).

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	977.691.643	1.243.815.916
Phí sửa chữa	409.090.909	-
Công cụ, dụng cụ	388.253.974	356.084.166
Bảo hiểm nhà máy	180.346.760	157.815.083
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	-	594.916.667
Khác	-	135.000.000
Dài hạn	5.566.233.195	6.840.830.832
Chi phí bao bì, vỏ chai, két bia	5.398.499.854	6.287.326.885
Công cụ, dụng cụ	167.733.341	553.503.947
TỔNG CỘNG	<u>6.543.924.838</u>	<u>8.084.646.748</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VND
Số đầu năm	232.069.745.438	1.011.054.673.780	6.721.783.292	249.000.995	-	1.250.086.403.565
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	112.656.312	280.681.249	580.000.000	331.692.480	59.909.091	1.364.939.132
Mua mới trong năm	11.052.069.219	-	-	-	-	11.052.069.219
Phân loại	-	(8.799.940)	-	-	-	(8.799.940)
Số cuối năm	243.225.671.029	1.011.326.555.089	7.301.783.292	580.693.475	59.909.091	1.262.494.611.976
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	695.109.173	203.400.995	695.109.173	-	-	1.183.410.221
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	45.865.208.330	335.314.873.133	4.321.281.257	224.934.332	-	386.001.771.916
Khấu hao trong năm	12.027.019.388	68.499.200.834	891.793.248	255.329.358	16.641.410	81.689.984.238
Số cuối năm	57.892.227.718	404.089.548.831	5.213.074.505	480.263.690	16.641.410	467.691.756.154
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	186.204.537.108	675.446.100.654	2.400.502.035	24.066.663	-	864.084.631.649
Số cuối năm	185.333.443.311	607.237.006.258	2.088.708.787	100.429.785	43.267.681	794.802.855.822
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để cầm cố thế chấp (Thuyết minh số 15)	59.571.369.980	333.527.145.617	-	-	-	393.098.515.597

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tank dùng cho sản xuất bia	21.157.492.595	-
Nhà văn phòng làm việc	3.689.762.818	4.377.029.728
TỔNG CỘNG	<u>24.847.255.413</u>	<u>4.377.029.728</u>

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên khác	13.496.716.787	10.467.453.458
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	5.109.654.555	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Năng Lượng Xanh	1.892.423.221	2.652.319.676
- Khác	6.494.639.011	2.929.778.132
Phải trả cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	55.181.190.568	57.861.074.339
TỔNG CỘNG	<u>68.677.907.355</u>	<u>68.328.527.797</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Thuế TTĐB	55.114.251.124	799.272.278.292	(778.645.072.579)	75.741.456.837
Thuế GTGT	7.946.777.100	191.255.491.929	(175.806.915.717)	23.395.353.312
Thuế TNDN (<i>Thuyết minh số 23</i>)	-	6.960.340.173	(3.971.023.499)	2.989.316.674
Thuế TNCN	177.075.912	1.691.976.240	(1.321.366.441)	547.685.711
TỔNG CỘNG	<u>63.238.104.136</u>	<u>999.180.086.634</u>	<u>(959.744.378.236)</u>	<u>102.673.812.534</u>

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	9.052.112.211	9.532.166.909
Chi phí xây dựng	1.415.400.000	592.063.636
Phải trả cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	584.867.198	2.155.135.168
Chi phí vận chuyển	175.253.625	460.306.045
Khác	663.380.119	286.059.259
TỔNG CỘNG	<u>11.891.013.153</u>	<u>13.025.731.017</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	7.867.008.827	3.355.276.920
Quỹ công tác xã hội	2.121.332.898	1.511.236.126
Ký quỹ	273.080.000	204.140.000
Thuế TTĐB (Thuyết minh số 6)	-	12.858.223.357
Khác	65.799.454	74.862.927
TỔNG CỘNG	<u>10.327.221.179</u>	<u>18.003.739.330</u>

15. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	274.768.483.529	302.380.823.198
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 15.1)	274.768.483.529	137.161.823.198
Vay dài hạn đến hạn trả	-	165.219.000.000
Vay dài hạn (Thuyết minh số 15.2)	93.496.440.103	147.333.109.252
Vay dài hạn từ ngân hàng	93.496.440.103	147.333.109.252
TỔNG CỘNG	<u>368.264.923.632</u>	<u>449.713.932.450</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	302.380.823.198	147.333.109.252	449.713.932.450
Tiền thu từ đi vay	932.127.066.375	111.496.440.103	1.043.623.506.478
Tiền chi trả nợ gốc vay	(959.739.406.044)	(165.333.109.252)	(1.125.072.515.296)
Số cuối năm	<u>274.768.483.529</u>	<u>93.496.440.103</u>	<u>368.264.923.632</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY (tiếp theo)

15.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu nguồn vốn lưu động, chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Quảng Ngãi				
Hợp đồng tín dụng số 36269.16.651.1435932.TD	23.900.000.000	31 tháng 5 năm 2017	4,6	Hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn khác
Ngân hàng Thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi				
Hợp đồng tín dụng số 0001711/2016- HĐTĐHM/NHCT520-BIASAIGON	36.057.877.488	20 tháng 6 năm 2017	4,6	Hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn khác
Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi				
Hợp đồng vay số 1601-LAV-2016 ngày 15/06/2016	214.810.606.041	15 tháng 6 năm 2017	4,6	Vay tín chấp
	274.768.483.529			

15.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi				
Hợp đồng số 036/HĐTĐ2-VIB40/15 ngày 26/03/2015	93.496.440.103	22 tháng 6 năm 2020	6,5	Nhà xưởng, máy móc và thiết bị

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước				
Số đầu năm	450.000.000.000	12.280.250.272	48.621.001.086	510.901.251.358
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	79.728.735.353	79.728.735.353
Cổ tức công bố	-	-	(40.500.000.000)	(40.500.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	8.290.000.000	(15.706.000.000)	(7.416.000.000)
Số cuối năm	450.000.000.000	20.570.250.272	75.322.682.703	545.892.932.975
Năm nay				
Số đầu năm	450.000.000.000	20.570.250.272	75.322.682.703	545.892.932.975
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	82.907.681.617	82.907.681.617
Cổ tức công bố	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	8.487.000.000	(15.467.000.000)	(6.980.000.000)
Số cuối năm	450.000.000.000	29.057.250.272	90.748.239.606	569.805.489.878

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần	% sở hữu	Vốn cổ phần	% sở hữu
	VND			
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	29.950.000.000	66,56	29.950.000.000	66,56
Các cổ đông khác	15.050.000.000	33,44	15.050.000.000	33,44
TỔNG CỘNG	45.000.000.000	100	45.000.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số vốn cổ phần đã góp đầu năm và số cuối năm	<u>45.000.000.000</u>	<u>45.000.000.000</u>
Cổ tức đã công bố trong năm	54.000.000.000	40.500.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	(49.488.381.173)	(39.193.470.000)

16.4 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

16.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trong năm	84.892.556.903	82.907.681.617
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi	<u>(6.980.000.000)</u>	<u>(6.416.000.000)</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	77.912.556.903	76.491.681.617
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>45.000.000</u>	<u>45.000.000</u>
Lãi trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản	1.731	1.700
- Lãi suy giảm	1.731	1.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	955.588.295.418	762.707.362.756
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán bia</i>	948.240.253.137	756.402.058.097
<i>Doanh thu khác</i>	7.348.042.281	6.305.304.659
Các khoản giảm trừ doanh thu	(237.574.872)	(467.787.600)
Chiết khấu thương mại	(237.574.872)	(467.787.600)
TỔNG CỘNG	<u>955.350.720.546</u>	<u>762.239.575.156</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với bên khác</i>	10.656.786.984	8.994.169.881
<i>Doanh thu với bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 24)</i>	944.931.508.434	753.245.405.275

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	<u>257.415.503</u>	<u>149.513.515</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn bán bia	820.912.666.064	638.245.853.123
Giá vốn khác	<u>2.130.482.622</u>	<u>1.656.414.567</u>
TỔNG CỘNG	<u>823.043.148.686</u>	<u>639.902.267.690</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí lãi vay	23.478.533.195	24.075.679.641
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	<u>-</u>	<u>2.165.257.549</u>
TỔNG CỘNG	<u>23.478.533.195</u>	<u>26.240.937.190</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.488.499.194	1.653.851.393
Chi phí nhân công	601.723.500	287.644.680
Chi phí vật liệu bán hàng	202.074.208	219.861.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.196.972	26.196.972
Chi phí khác	948.940.789	562.699.843
TỔNG CỘNG	<u>3.267.434.663</u>	<u>2.750.254.060</u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	7.105.349.050	4.887.267.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.370.513.575	2.665.375.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.213.064.197	1.185.568.735
Chi phí vật liệu quản lý	559.122.995	571.160.192
Chi phí khác	2.874.936.290	2.579.049.299
TỔNG CỘNG	<u>15.122.986.107</u>	<u>11.888.420.989</u>

22. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.976.083.043	2.259.087.810
Thu nhập từ bán phế liệu	1.073.201.357	1.611.881.501
Khác	902.881.677	647.206.309
Chi phí khác	<u>(819.219.356)</u>	<u>(958.614.935)</u>
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>1.156.863.678</u>	<u>1.300.472.875</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN áp dụng là 15% thu nhập chịu thuế cho mười hai (12) năm đầu tiên. Công ty được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (là năm 2013), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng cho Công ty trong bảy (7) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>91.852.897.076</u>	<u>82.907.681.617</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 15% áp dụng cho Công ty	13.777.934.561	12.436.152.243
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	71.372.892	50.655.262
Thuế TNDN được giảm trừ	(6.888.967.281)	-
Thuế TNDN được miễn trừ	-	(12.486.807.505)
Chi phí thuế TNDN	<u>6.960.340.173</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Bán hàng hóa Thuế TTĐB	944.931.508.434 775.449.403.321	- -
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu Chia cổ tức	549.318.191.440 50.376.010.366	395.581.991.508 37.782.007.775
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Chia cổ tức	1.962.338.193	1.471.753.645
Công ty TNHH Một thành viên thương mại Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Bên liên quan	Phí đổi vỏ chai Mua nguyên vật liệu Bán hàng hóa Thuế TTĐB	1.707.534.496 - -	5.874.360.441 753.245.405.275 494.016.590.665
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	674.715.000	501.735.000
Thủ lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương Ban Giám đốc trong năm như sau:	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	34.200.000	58.683.630

Chi phí lương và thù lao

<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
<u>3.176.857.537</u>	<u>2.026.941.289</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng					
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	43.835.031.240	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	50.091.096.880	50.091.096.880
			43.835.031.240		50.091.096.880
Phải thu ngắn hạn khác					
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Thuế TTĐB và lãi vay	-	146.614.239.871	146.614.239.871
Phải trả ngắn hạn					
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	55.119.710.494	57.797.989.285	57.797.989.285
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	61.380.000	63.085.054	63.085.054
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	100.000	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	74	54	54
			55.181.190.568		57.861.074.339
Chi phí phải trả ngắn hạn					
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	584.867.198	2.155.135.168	2.155.135.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	939.524.584	939.524.584
Trên 1 – 5 năm	3.758.098.335	3.758.098.335
Trên 5 năm	<u>25.046.159.528</u>	<u>26.001.342.855</u>
TỔNG CỘNG	<u>29.743.782.446</u>	<u>30.698.965.774</u>

Cam kết góp vốn liên quan đến chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có khoản cam kết trị giá VND 44.819.001.818 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.078.975.000) liên quan đến việc chi tiêu xây dựng tài sản cố định.

26. NỢ TIỀM TÀNG

Theo hợp đồng thuê đất không hủy ngang giữa Công ty với Công ty Phát triển Hạ tầng các Khu Công nghiệp Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty đang thuê Lô C1-1 trong Khu Công nghiệp Quảng Phú, Tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi với thời hạn thuê là 40 năm từ ngày 15 tháng 03 năm 2008, sau khi hết thời hạn thuê, Công ty phải trả lại đất và hạ tầng kỹ thuật cho Khu Công Nghiệp. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 và Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty phải lập dự phòng cho chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng sau khi kết thúc hợp đồng thuê. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc không thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng do thời gian thuê kéo dài và có nhiều giả định không chắc chắn trong tương lai nên Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ trên vào báo cáo tài chính.

27. HÀNG HÓA NHẬN GIỮ HỘ

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng hóa nhận giữ hộ	<u>15.198.821.836</u>	<u>6.518.514.569</u>

28. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia rượu, nước giải khát và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Đồng thời, trụ sở chính và chi nhánh tạo ra doanh thu của Công ty tọa lạc trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Văn Thị Thùy Trang
Người lập



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2017